

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2021/DS-PT

Ngày: 26/11/2021

*V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất,
bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng
do tài sản bị xâm phạm và yêu cầu
hủy quyết định cá biệt”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 223/2021/TLPT- DS về việc ngày 10 tháng 8 năm 2021 “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 24/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L (có mặt) và ông Trần Văn H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn H: Bà Lê Thị L, sinh năm 1969. (có mặt)

Cùng địa chỉ: phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Cảnh A- văn phòng

luật sư Trần Cảnh A. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê K và bà Võ Thị L

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị L: Ông Lê K, sinh năm 1970. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khối Q A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt)

2. Ông Đặng Hữu V; địa chỉ: Khối Q A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

3. Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hồng Q (có mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:

Tại đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị L, ông Trần Văn H trình bày:

Năm 2002, vợ chồng bà Lê Thị L có mua của Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp 2 Đ (sau đây gọi tắt là HTX 2 Đ) một xác nhà trê với giá 11.500.000 đồng và dọn về sửa nhà để ở cho đến nay. Trong quá trình sinh sống, vợ chồng bà L có coi nói thêm phía sau nhà trê cũ để làm chuồng gà, chuồng heo và trồng một số cây chuối, cây sả sau góc nhà bà L ở. Đến năm 2010, ông K, bà L cho rằng khu đất mà vợ chồng bà L đang trồng cây sả và chuối là của gia đình ông K, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên tự ý chặt sả và chuối do vợ chồng bà L trồng. Bà L có qua nhà hỏi thì bị vợ chồng ông K đánh nên bà L làm đơn báo cáo chính quyền địa phương đến giải quyết nhưng không lập biên bản và vợ chồng ông K không chịu bồi thường số cây đã chặt của vợ chồng bà L. Năm 2011, lúc vợ chồng bà L đi Gia Lai không có ở nhà, vợ chồng ông K tự ý xây dựng tường rào trên phần đất đang tranh chấp. Năm 2013, khi từ Gia Lai trở về, bà L thấy ông K xây dựng tường rào nên xảy ra tranh chấp với ông K và Ủy ban nhân dân xã hòa giải nhưng không thành. Bà L tiến hành làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 07, diện tích 591,7m², địa điểm: Khối Q 1, phường Đ, thị xã Đ. Tuy nhiên, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà L không có diện tích đất mà vợ chồng ông K lấn chiếm. Do đó, bà L làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã Đ và Ủy ban nhân dân thị xã Đ nhưng không

được giải quyết thỏa đáng. Vì vậy, bà L, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê K, bà Võ Thị L trả lại diện tích đất lấn chiếm là 94,9m² và bồi thường thiệt hại về tài sản do chặt phá cây chuối, cây sả trên đất do vợ chồng bà L trồng với số tiền là 2.000.000 đồng; đồng thời, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 296544 do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp cho ông Lê K và bà Võ Thị L ngày 12/11/2009 đối với diện tích đất tranh chấp 94,9m² thuộc thửa đất số 172(c), tờ bản đồ số 07.

Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 2.000.000 đồng.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê K, bà Võ Thị L trình bày:

Năm 2008, vợ chồng ông Lê K, bà Võ Thị L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 216m² (4,5 mx 48 m) của ông Đặng Hữu V tại khối Q A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Ngày 12/11/2009, ông K, bà L được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 172(c), tờ bản đồ số 07, diện tích 216m². Nay vợ chồng bà L yêu cầu ông K, bà L trả lại diện tích đất lấn chiếm 94,9m² là hoàn toàn không có cơ sở pháp luật. Tại vì, diện tích đất mà vợ chồng bà L tranh chấp là do ông K, bà L nhận chuyển nhượng hợp pháp, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn vợ chồng bà L chỉ ở trên nhà trệt của HTX 2 Đ (cũ). Do đó, ông K, bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Hữu V trình bày:

Cha, mẹ ông Đặng Hữu V là ông Đặng Hữu B và bà Nguyễn Thị M được Nhà nước cấp đất thổ cư để làm nhà ở, khu vườn có chiều ngang 24m, chiều dài hết khu vườn là 48m, diện tích khoảng 1.150m². Đến năm 1986, HTX 2 Đ (cũ) có nhu cầu xây dựng nhà mẫu giáo nên vận động gia đình ông V cho mượn đất (thỏa thuận miệng) và gia đình ông V chấp nhận. Hợp tác xã có hỗ trợ cho gia đình ông V công tháo dỡ nhà và một số ngôi lợp, di chuyển nhà của cha, mẹ ông V về phía trước khu vườn như hiện nay và có hứa bằng miệng, nếu sau này trường mẫu giáo di dời sẽ trả lại phần đất đã mượn cho gia đình ông V. Năm 1986, trường mẫu giáo được xây dựng, đến năm 2004 thì không hoạt động nữa nên xác nhà mẫu giáo được bán thanh lý cho hộ bà L. Đối với phần đất thổ cư của gia đình ông V, được Nhà nước cấp năm 1976, quá trình sử dụng đất, gia đình ông V đã thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước và kê khai, đăng ký theo đúng quy định pháp luật. Đến năm 1995,

Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cha, mẹ ông V với diện tích khoảng 1.150m² (chiều ngang 24m, chiều dài 48m), trong đó, có cả phần đất gia đình ông V cho Hợp tác xã mượn để xây nhà mẫu giáo. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cha, mẹ ông V có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho một số người như sau: năm 1993, chuyển nhượng cho ông Đặng Hữu B chiều ngang mặt tiền 4,2m, chiều dài 48m; chuyển nhượng cho ông Võ Như H chiều ngang 5m, chiều dài 48m. Riêng đối với diện tích đất vợ chồng bà L tranh chấp với ông K, bà L thì vào năm 1996, cha, mẹ ông V đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Phước T diện tích đất có chiều ngang 4,5m, chiều dài 48m, khi chuyển nhượng có viết giấy tay. Đến năm 2008, ông T chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông K nhưng cũng chỉ làm thủ tục viết tay. Đến khi ông V hoàn thành thủ tục thừa kế và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì giữa ông V và vợ chồng ông K, bà L đã làm thủ tục chuyển nhượng nên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K, bà L là hoàn toàn đúng pháp luật.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị xã Đ trình bày:

Ông Lê K và bà Võ Thị L được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 296544 ngày 12/11/2009 đối với thửa đất số 172(c), tờ bản đồ số 07, diện tích 216m², loại đất: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng đất: lâu dài, tại khối Q A, phường Đ, thị xã Đ. Thửa đất này có nguồn gốc là do ông K, bà L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đặng Hữu V (Hợp đồng được chứng thực số 53, ngày 26/7/2009). Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Đ đã đăng ký biến động vào sổ Địa chính, có kèm theo Trích lục bản đồ, có chữ ký tứ cận và các bên có liên quan. Ngày 20/8/2009, HĐND xã Đ đã tiến hành đo đạc, cắm mốc có sự tham gia của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng, các bên thống nhất ký vào biên bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông K, bà L có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND xã Đ xác nhận không có tranh chấp, khiếu nại về đất đai thuộc trường hợp được chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Từ cơ sở trên, ngày 12/11/2009 UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K, bà L. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K, bà L là đúng quy định pháp luật nên UBND thị xã Đ không thống nhất hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 296544 ngày 12/11/2009 đã cấp cho ông K, bà L đối với diện tích đất tranh chấp 94,9m² thuộc thửa đất số 172 (c), tờ bản đồ số 07 theo yêu cầu của nguyên đơn.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường Đ trình bày:

Đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 07: Nguồn gốc là của ông Đặng Hữu B (nay đã chết) sử dụng trước năm 1980, trong quá trình sử dụng có chuyển nhượng cho ông Trần Phước T diện tích 216m² (4,5m x 48m) được lập giấy viết tay, có xác nhận của UBND xã Đ (cũ) ngày 10/4/1996. Năm 1998, ông T bán lô đất của mình cho ông K (hợp đồng miệng). Trên cơ sở ông V được Nhà nước công nhận thừa kế quyền sử dụng đất của ông B và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2009, ông V lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông K, bà L và ông K, bà L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 296544 ngày 12/11/2009. Đến năm 2010, ông K, bà L làm hàng rào thì xảy ra tranh chấp với bà L.

Đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 07 theo bản đồ địa chính là đất trường mẫu giáo do HTX 2 Đ (cũ) quản lý. Trường mẫu giáo được Hợp tác xã xây dựng từ năm 1987, đến năm 1995, thực hiện việc kê khai ruộng đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, Hợp tác xã có kê khai và thể hiện trên bản đồ địa chính. Năm 2002, HTX 2 Đ bán thanh lý xác nhà cho bà L nhưng bà L không tháo dỡ nhà mà ở từ đó đến nay. Trong khi đó, Hợp tác xã lại không có ý kiến cũng như không có sự quản lý đối với thửa đất này. Sau nhiều lần giải quyết tranh chấp, khiếu nại của bà L, Hội đồng xét cấp đất xã Đ đã họp và thống nhất giao đất cho hộ bà L. UBND xã phối hợp với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Đ đo đạc ranh giới hiện trạng sử dụng đất của hộ bà L, xác định không còn tranh chấp với các hộ lân cận để lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà L. Trên cơ sở đó, ngày 22/9/2014 hộ bà L được UBND thị xã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp thu tiền sử dụng đất, diện tích 591,7m².

Đối với phần diện tích đất đang tranh chấp giữa vợ chồng bà L và vợ chồng ông K: phần diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 172(c), tờ bản đồ số 07 của ông Lê K, bà Võ Thị L, có nguồn gốc do ông Đặng Hữu B sử dụng trước ngày 18/12/1980, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, UBND phường Đ không có cơ sở để xác nhận diện tích đất mà hộ bà L tranh chấp với ông K, bà L là đất do bà L khai hoang.

Với nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 24/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định.

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều

49 và Điều 105 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L, ông Trần Văn H về việc buộc bị đơn ông Lê K, bà Võ Thị L bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 2.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L, ông Trần Văn H về việc buộc bị đơn ông Lê K, bà Võ Thị L trả lại diện tích đất 94,9m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị L, ông Trần Văn H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 296544 ngày 12/11/2009 do Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp cho ông Lê K và bà Võ Thị L đối với diện tích đất 94,9m² thuộc thửa đất số 172(c), tờ bản đồ số 07 tại thôn Q 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là khối Q A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng khác, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/6/2021 nguyên đơn là bà Lê Thị L có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo bà L cho rằng việc xét xử sơ thẩm chưa đảm bảo quyền lợi cho bà L, bà L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L Luật sư Trần Cảnh An trình bày, nguồn gốc đất do Bà L mua nhà trẻ của Hợp tác xã, có nhân chứng là ông Đặng Văn L biết rõ, bà L là người trực tiếp sử dụng thửa đất tranh chấp từ năm 2002, ông Lê khảm xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chồng qua 94,9m², đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xem xét kháng cáo của bà Lê Thị L, xét thấy:

[1]. Tại giai đoạn sơ thẩm, bà Lê Thị L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp cây cối trên đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự đã đình chỉ xét xử đối với phần bà L đã rút yêu cầu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xem xét thửa đất có tranh chấp, diện tích $94,9m^2$ là một phần diện tích nằm trong thửa đất số 172(c) tờ Bản đồ số 07 có diện tích $216m^2$, vị trí tại khối Q A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Nguồn gốc thửa đất số 172(c) được tách ra từ thửa 172, tờ bản đồ số 7 thuộc quyền sử dụng của ông Đặng Hữu B sử dụng từ trước năm 1980, ông Đặng Hữu B và bà Nguyễn Thị M mất ông Đặng Hữu V thừa kế và đã được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 273625 ngày 4/7/2009 cho ông Đặng Hữu V (BL 186) ông Đặng Hữu V chuyển nhượng lại cho ông Lê K, bà Võ Thị L một phần đất có diện tích $216m^2$, kích thước $4,5 \times 48m$. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông V với ông K bà L được công chứng ngày 20/7/2009 (BL 189). Sau khi hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng, đăng ký và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo qui định ông Lê K và bà Võ Thị L được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 296544 ngày 12/11/2009. Trên cơ sở xem xét ý kiến của đại diện UBND phường Đ và người đại diện của UBND thị xã Đ, qua xem xét trình tự, thủ tục đối chiếu với các qui định của Luật đất đai năm 2003, sửa đổi năm 2009 thì quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 172(c) có diện tích $216m^2$ tại bản đồ số 7 tại phường Đ của ông Lê K, bà Võ Thị L là hợp pháp.

Bà Lê Thị L khởi kiện cho rằng diện tích đất $94,9m^2$ nằm trong thửa đất số 172(c) tờ bản đồ số 7 phường Đ có nguồn gốc do bà coi nói, đã sử dụng làm chuồng heo và trồng một số cây chuối, sả từ năm 2010 đã xảy ra tranh chấp với ông K bà L. Xem xét quyền sử dụng đất của bà L xét thấy. Năm 2002 bà L mua thanh lý xác nhà của HTX Dịch vụ Nông nghiệp 2 Đ (cũ). Trong quá trình sử dụng đất bà L đã đăng ký kê khai và được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 6374996 ngày 22/9/2014 thửa đất số 171, tờ bản đồ số 07 diện tích $591,7m^2$, sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L cũng không có khiếu nại gì liên quan đến diện tích đất.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (BL 456, 470) các đương sự đều có tham gia trong đó có bà L thì kết quả đo đạc thể hiện diện tích đất thực tế của bà L sử dụng $699,1m^2$ tăng hơn so

với diện tích đất được xác định trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 107,4m².

Với những nhận định nêu trên xét thấy việc khởi kiện của bà L tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 94,9m² và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông K bà L là không có cơ sở, tại Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp đất và hủy Quyết định hành chính GCNQSDĐ của bà Lê Thị L là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng, Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 24/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

1. Áp dụng Điều 49 và Điều 105 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L, ông Trần Văn H về việc buộc bị đơn ông Lê K, bà Võ Thị L bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 2.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L, ông Trần Văn H về việc buộc bị đơn ông Lê K, bà Võ Thị L trả lại diện tích đất 94,9m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị L, ông Trần Văn H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 296544 ngày 12/11/2009 do Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp cho ông Lê K và bà Võ Thị L đối với diện tích đất 94,9m² thuộc thửa đất số 172(c), tờ bản đồ số 07 tại thôn Q 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là khối Q A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng, giữ nguyên như nội dung phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm, áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 05/7/2021 của Quốc hội, bà L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, bà L đã nộp đủ (do anh Lê Việt Hà nộp thay) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002685 ngày 05/7/2021 của Cục Thi hành án tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi